TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Phan Hoàng Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 390/2022/QĐST-HN, ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: chung cư A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lăng Trọng A, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khóm Đ, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lăng Trọng A tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 18/8/2001. Sau

khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên ông bà sống ly thân hơn 10 năm nay.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mai Thị Ngọc G yêu cầu ly hôn ông Lăng Trọng A.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Lăng Mai H, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động và Lăng Mai Thúy V, sinh ngày 23/11/2007 do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lăng Mai Thúy V, không yêu cầu ông Trọng A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lăng Trọng A mặc dù được tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc G. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, ông Trọng A tiếp tục vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lăng Trọng A. Ông Trọng A cư ngụ tại khóm Đ, phường P, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc G.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Trọng A vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lăng Trọng A.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông Trọng A và bà G tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2001, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà G trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mai Thị Ngọc G yêu cầu ly hôn ông Lăng Trọng A.

[2.2]. Về con chung: Ông Trọng A và bà G có 02 (hai) con chung tên Lăng Mai H, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động và Lăng Mai Thúy V, sinh ngày 23/11/2007 hiện do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà G yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lăng Mai Thúy V, không yêu cầu ông Trọng A cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Lăng Trọng A được tống đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Phiên tòa hôm nay, ông Trọng A tiếp tục vắng mặt không có lý do.

[3]. Qua lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy:

[3.1]. Về hôn nhân, bà G cho rằng hôn nhân của ông bà không hạnh phúc do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thời gian sống ly thân đã lâu nhưng cả hai không có biện pháp hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà G vẫn kiên quyết ly hôn ông Trọng A. Ông Trọng A vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà G, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, ông Trọng A tiếp tục vắng mặt không có lý do, là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên bà G vì con tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà G vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng nhau và cùng chia sẻ khó khăn, vất vả trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp hôn nhân, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông Trọng A và bà G có thời gian sống ly thân hơn 10 năm, thời gian này cả hai không quan tâm nhau, không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G được ly hôn ông Trọng A.

[3.2]. Về con chung, ông Trọng A và bà G có 02 (hai) con chung, gồm:

1/ Lăng Mai H, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động.

2/ Lăng Mai Thúy V, sinh ngày 23/11/2007 do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lăng Mai Thúy V, không yêu cầu ông Trọng A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thời gian sống ly thân con chung Lăng Mai Thúy V do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu V cũng có nguyện vọng được sống với bà G nếu cha mẹ ly hôn. Do

đó, xét điều kiện của bà G trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và nguyện vọng của cháu V, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không yêu cầu ông Trọng A cấp dưỡng, nên ông Trọng A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà G phải tạo điều kiện cho ông Trọng A được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà G trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trọng A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trọng A không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[4]. Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Ngọc G được ly hôn ông Lăng Trọng A.

2. Về con chung: Ông Lăng Trọng A và bà Mai Thị Ngọc G có 02 (hai) con chung, gồm:

1/ Lăng Mai H, sinh năm 2002, đã thành niên và có khả năng lao động.

2/ Lăng Mai Thúy V, sinh ngày 23/11/2007.

Bà G được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lăng Mai Thúy V sau khi ly hôn.

Ông Trọng A không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu.

Bà G phải tạo điều kiện cho ông Trọng A được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà G trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trọng A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001340, ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà G đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Mai Thị Ngọc G có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Lăng Trọng A không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa